

ĐẨY MẠNH XÂY DỰNG THÊM 17 TIÊU CHUẨN QUỐC GIA MỚI VỀ HALAL, HƯỚNG TỚI MỘT HỆ THỐNG TIÊU CHUẨN ĐỒNG BỘ, HÀI HÒA VỚI QUỐC TẾ

Tại hội nghị sơ kết Đề án “Tăng cường hợp tác quốc tế để xây dựng và phát triển ngành Halal Việt Nam đến năm 2030” mới đây, ông Nguyễn Nam Hải, Chủ tịch Ủy ban Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Quốc gia cho biết, phát triển lĩnh vực Halal cần dựa trên 3 trụ cột chính gồm: Hoàn thiện hệ thống tiêu chuẩn, nâng cao năng lực hoạt động chứng nhận và tăng cường hiệu quả quản lý nhà nước. Trong đó, hệ thống tiêu chuẩn quốc gia (TCVN) là nền tảng của mọi hoạt động quản lý chất lượng.

Đến nay, Việt Nam đã ban hành 6 tiêu chuẩn quốc gia liên quan trực tiếp đến Halal, gồm 4 tiêu chuẩn cho chuỗi thực phẩm (yêu cầu chung, giết mổ, thực hành nông nghiệp tốt, thức ăn chăn nuôi), một tiêu chuẩn cho dịch vụ du lịch thân thiện với người Hồi giáo và một tiêu chuẩn về tổ chức chứng nhận sản phẩm Halal.

Hiện Ủy ban Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Quốc gia đang giao Viện Tiêu chuẩn Chất lượng Việt Nam phối hợp các Ban kỹ thuật để đề xuất xây dựng thêm 17 tiêu chuẩn mới, trong đó có ba tiêu chuẩn chung về sản phẩm, dịch vụ Halal và 14 tiêu chuẩn về thực phẩm Halal, bao gồm cả việc soát xét TCVN 12944:2020 - Thực phẩm Halal - Yêu cầu chung. Mục tiêu là xây dựng một hệ thống tiêu chuẩn đầy đủ, đồng bộ, vừa đáp ứng nhu cầu trong nước vừa hài hòa với tiêu chuẩn quốc tế, đặc biệt là các tiêu chuẩn của OIC và SMIIC.

Ủy ban Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Quốc gia đã cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chứng nhận sản phẩm, dịch vụ Halal cho 3 tổ chức gồm Trung tâm Chứng nhận Halal



Ảnh minh họa

Quốc gia (HALCERT) trực thuộc Trung tâm Chứng nhận Phù hợp (QUACERT), Công ty TNHH Văn phòng Chứng nhận Halal và Công ty TNHH Chứng nhận Halal Toàn cầu (GHC). Các đơn vị này đã tiến hành cấp chứng nhận Halal cho hơn 1.000 doanh nghiệp Việt Nam thuộc nhiều lĩnh vực khác nhau.

Thị trường Halal toàn cầu với quy mô hàng nghìn tỷ USD và tốc độ tăng trưởng ổn định không chỉ mang lại cơ hội thương mại to lớn mà còn mở ra không gian phát triển mới cho nhiều ngành hàng Việt Nam, từ nông sản, thực phẩm, mỹ phẩm cho đến du lịch và dịch vụ. Tuy nhiên, hoạt động chứng nhận Halal vẫn đối mặt với thách thức về công nhận quốc tế, do sự khác biệt giữa các tiêu chuẩn và thủ tục của từng quốc gia. Vì vậy, Bộ KH&CN đang tích cực thúc đẩy hợp tác quốc tế, hướng tới thừa nhận lẫn nhau trong lĩnh vực Halal, thông qua các biên bản ghi nhớ với Iran, Ả-rập Xê-út và làm việc với Các Tiểu vương quốc Ả-rập Thống nhất để triển khai hợp tác kỹ thuật cụ thể ■

Theo mst.gov.vn

TĂNG SỨC CẠNH TRANH CHO DOANH NGHIỆP TRONG KỶ NGUYÊN MỚI VỚI ISO 26000

Trong bối cảnh hội nhập sâu rộng và yêu cầu ngày càng cao về đạo đức kinh doanh, tiêu chuẩn ISO 26000 đang trở thành khung hướng dẫn quan trọng giúp doanh nghiệp Việt Nam nâng cao uy tín, năng lực quản trị và mở rộng cơ hội cạnh tranh trên thị trường quốc tế. Với nội dung bao quát nhiều lĩnh vực, ISO 26000 góp phần định hướng doanh nghiệp thực thi trách nhiệm xã hội một cách minh bạch, hiệu quả và gắn với mục tiêu phát triển bền vững.

Trách nhiệm xã hội - thước đo của doanh nghiệp

Tiêu chuẩn ISO 26000 được ban hành như một khung hướng dẫn toàn diện, hỗ trợ các tổ chức xác lập hệ thống hành động rõ ràng, mạch lạc trong lĩnh vực trách nhiệm xã hội. ISO 26000 do Tổ chức Tiêu chuẩn hóa Quốc tế (ISO) xây dựng với mục tiêu định hướng cho doanh nghiệp thiết lập phương thức quản trị có trách nhiệm, phù hợp với các chuẩn mực toàn cầu.

Khác với nhiều tiêu chuẩn ISO khác mang tính chứng nhận như ISO 9001 hay ISO 14001, ISO 26000 không nhằm mục đích đánh giá, cấp chứng nhận. Đây là bộ tiêu chuẩn mang tính hướng dẫn, giúp doanh nghiệp tự xem xét, điều chỉnh hoạt động của mình theo các nguyên tắc trách nhiệm xã hội. Nhờ vậy, ISO 26000 có khả năng áp dụng linh hoạt, không tạo gánh nặng thủ tục mà vẫn đảm bảo hiệu quả trong quá trình cải thiện hoạt động doanh nghiệp.

Nội dung của ISO 26000 bao phủ nhiều chủ đề quan trọng, được xem là các trụ cột của trách nhiệm xã hội, như quản trị tổ chức, quyền con người, thực tiễn lao động, môi trường, thực hành kinh doanh công bằng, vấn đề người tiêu dùng... Việc tích hợp đầy đủ các yếu tố này

giúp doanh nghiệp nhận thức trách nhiệm xã hội không chỉ là hoạt động mang tính hình thức, mà là chiến lược tổng thể liên kết chặt chẽ với định hướng phát triển bền vững.

Ngoài ra, ISO 26000 đặc biệt nhấn mạnh vai trò của minh bạch, đạo đức và sự tham gia của các bên liên quan. Việc cân nhắc nhu cầu và lợi ích của người lao động, khách hàng, đối tác, cộng đồng hay chính quyền địa phương giúp doanh nghiệp duy trì sự hài hòa trong phát triển. Đây là yếu tố quan trọng để nâng cao giá trị thương hiệu và tạo nền tảng phát triển dài hạn trong bối cảnh toàn cầu hóa.

Khẳng định cam kết với cộng đồng

Việc áp dụng ISO 26000 còn mang lại nhiều lợi ích rõ rệt cho doanh nghiệp Việt Nam trên nhiều phương diện như: uy tín thương hiệu, hiệu quả nội bộ và cơ hội cạnh tranh.

Trước hết, ISO 26000 giúp doanh nghiệp thể hiện cam kết đối với xã hội thông qua những hành động rõ ràng và minh bạch. Khi doanh nghiệp chủ động xây dựng chiến lược trách nhiệm xã hội theo chuẩn mực quốc tế, uy tín thương hiệu được nâng cao, tạo dựng niềm tin với khách hàng, đối tác và các cơ quan quản lý. Trong bối cảnh thị trường ngày càng đề cao các giá trị đạo đức, minh bạch và phát triển bền vững, đây là lợi thế quan trọng giúp doanh nghiệp khẳng định vị thế.

Bên cạnh uy tín thương hiệu, ISO 26000 còn góp phần cải thiện môi trường làm việc. Khi doanh nghiệp áp dụng các nguyên tắc của tiêu chuẩn, người lao động được bảo đảm quyền lợi, môi trường làm việc trở nên an toàn và bình đẳng hơn, đồng thời người lao động cũng có điều kiện phát triển năng lực. Đây là yếu tố tạo ra sự gắn kết lâu dài, tăng mức độ hài lòng và cải thiện năng suất lao động, giúp doanh

nghiệp vận hành hiệu quả và ổn định hơn.

Một lợi ích quan trọng khác là khả năng đáp ứng yêu cầu của thị trường, đặc biệt là thị trường xuất khẩu. Nhiều quốc gia và các tập đoàn lớn trên thế giới coi trách nhiệm xã hội là điều kiện bắt buộc khi lựa chọn đối tác hoặc nhà cung cấp. Việc thực thi ISO 26000 giúp doanh nghiệp Việt Nam dễ dàng hòa nhập vào chuỗi cung ứng toàn cầu, mở rộng cơ hội tiếp cận những thị trường có yêu cầu khắt khe.

Tiêu chuẩn cũng hỗ trợ doanh nghiệp chủ động tuân thủ pháp luật, giảm thiểu rủi ro pháp lý trong các lĩnh vực liên quan đến môi trường, lao động, cạnh tranh hay chất lượng sản phẩm. Việc tuân thủ đầy đủ và có hệ thống các quy

định không chỉ giúp doanh nghiệp hạn chế sai phạm mà còn tạo ra nền tảng quản trị minh bạch, có trách nhiệm và hướng đến phát triển bền vững.

Trong bối cảnh Việt Nam đẩy mạnh khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và phát triển bền vững, ISO 26000 có ý nghĩa thiết thực, góp phần xây dựng cộng đồng doanh nghiệp phát triển hài hòa, trách nhiệm và phù hợp với các chuẩn mực quốc tế. Việc nhân rộng áp dụng tiêu chuẩn này sẽ tạo nền tảng quan trọng để doanh nghiệp nâng cao năng lực cạnh tranh, đồng thời đóng góp hiệu quả cho sự phát triển chung của nền kinh tế - xã hội ■

Theo vietq.vn

TIÊU CHUẨN VIỆT NAM ISO 37106:2018: PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ THÔNG MINH LẤY CON NGƯỜI LÀM TRUNG TÂM

Trong bối cảnh đô thị hóa diễn ra nhanh chóng trên toàn cầu, các thành phố đang đối mặt với hàng loạt thách thức về quản lý hạ tầng, môi trường, giao thông, an ninh và chất lượng sống của người dân. Sự phát triển của công nghệ số mở ra nhiều cơ hội để tối ưu hóa vận hành đô thị, nhưng đồng thời cũng đòi hỏi chính quyền phải có phương pháp tiếp cận bài bản, thống nhất và bền vững.

Theo đó, TCVN ISO 37106:2018 về Đô thị và cộng đồng bền vững - Hướng dẫn thiết lập mô hình hoạt động của đô thị thông minh cho cộng đồng bền vững (Sustainable cities and communities - Guidance on establishing smart city operating models for sustainable communities) ra đời nhằm giúp cho các đô thị thực hiện tầm nhìn của mình cho một tương lai bền vững, bằng cách đưa ra một bộ công cụ về “thực hành thông minh” để quản lý việc điều hành, các dịch vụ, dữ liệu và các hệ thống trên toàn đô thị mang tính mở, hợp tác, lấy người dân làm trung tâm và vận hành với sự trợ giúp của kỹ thuật số.

Trong đó, với tiêu chí lấy người dân làm trung tâm chính là thiết kế và cung cấp các dịch vụ của đô thị định hướng theo nhu cầu của người dân mà không theo cơ cấu chức năng của các cấu trúc theo chức năng của đô thị.

Mặc dù TCVN ISO 37106:2018 thiết lập rất nhiều các nguyên tắc cũng như phương pháp luận liên quan đến các lĩnh vực cụ thể của các đô thị (ví dụ: nước, chất thải, năng lượng, nông nghiệp đô thị, giao thông, công nghệ thông tin) nhưng vẫn rất cần chú trọng đến những vấn đề và thách thức liên quan đến việc kết hợp tất cả các vấn đề này vào trong một cách tiếp cận chiến lược trên toàn đô thị về sử dụng dữ liệu thông minh, các cách thức làm việc thông minh và công nghệ thông minh.

Vì vậy, trọng tâm của tiêu chuẩn này là tập trung mạnh mẽ vào sự lãnh đạo, điều hành, văn hóa, đổi mới mô hình hoạt động và vai trò tích cực của người dân, doanh nghiệp và xã hội dân sự trong việc tạo lập, thực hiện và sử dụng các không gian và dịch vụ của đô thị.

Tiêu chuẩn này hướng đến các nhà lãnh đạo

của đô thị. Phần lớn nội dung hướng dẫn của tiêu chuẩn này có thể sẽ rất hữu ích cho các lãnh đạo của các cộng đồng chưa đạt đến quy mô đô thị, bao gồm cả những khu vực đô thị nhỏ hơn và những sáng kiến có quy mô khu vực, lớn hơn. Tuy nhiên, các đối tượng ưu tiên hàng đầu của tiêu chuẩn này là các lãnh đạo của đô thị, bao gồm:

Các nhà xây dựng chính sách trong các chính quyền đô thị, cả những người chịu trách nhiệm về thiết kế, giám sát và thực hiện dịch vụ của chính quyền cũng như những người chịu trách nhiệm lãnh đạo cộng đồng, cụ thể: Các nhà lãnh đạo được bầu; Các nhà quản trị cao cấp của các chính quyền địa phương; Các nhà quản

trị cao cấp của các tổ chức công khác của đô thị.

Các bên quan tâm khác dẫn dắt và tạo ra môi trường của đô thị như: Các nhà quản trị cao cấp trong khu vực tư nhân muốn hợp tác và hỗ trợ các đô thị trong việc chuyển đổi các hệ thống của đô thị để tạo ra giá trị được chia sẻ; Các nhà lãnh đạo của các tổ chức khu vực tình nguyện đang hoạt động trong đô thị; Các nhà lãnh đạo thuộc những lĩnh vực giáo dục bậc đại học và trên đại học; Các nhà đổi mới, sáng tạo và các nhà đại diện cho cộng đồng. Ngoài ra, tiêu chuẩn này cũng đề cập đến tất cả bên tham gia vào việc xây dựng đô thị thông minh, bao gồm cả các cá nhân ■

Theo vietq.vn

QUY CHUẨN VIỆT NAM 94:2025/BNNMT VỀ CHỈ TIÊU AN TOÀN VÀ QUẢN LÝ THỨC ĂN BỔ SUNG TRONG NUÔI TRỒNG THỦY SẢN

Trong những năm gần đây, nuôi trồng thủy sản ở Việt Nam phát triển mạnh mẽ, trở thành một trong những ngành kinh tế trọng điểm, đóng góp lớn vào xuất khẩu và thu nhập của nhiều địa phương. Các đối tượng nuôi chủ lực như tôm, cá tra, cá rô phi, cá biển và một số loài thủy sản đặc sản đã được mở rộng diện tích và nâng cao năng suất.

Để đạt hiệu quả cao trong nuôi trồng, tăng tốc độ sinh trưởng, giảm tỉ lệ mắc bệnh và cải thiện chất lượng sản phẩm, người nuôi thường sử dụng các loại thức ăn bổ sung, bao gồm vitamin, khoáng chất, axit amin, enzyme, probiotic, prebiotic và các chất chiết xuất sinh học từ thực vật hoặc vi sinh vật. Những chất bổ sung này không chỉ giúp tăng cường dinh dưỡng, mà còn cải thiện hệ miễn dịch của vật nuôi, nâng cao tỉ lệ sống và chất lượng thịt, góp phần giảm chi phí điều trị bệnh và tăng lợi nhuận.

Tuy nhiên, bên cạnh những lợi ích, tình trạng sử dụng chất bổ sung không đạt chuẩn vẫn

tồn tại ở nhiều cơ sở, đặc biệt là các cơ sở sản xuất nhỏ lẻ, chưa áp dụng quy trình kiểm soát chất lượng nghiêm ngặt. Việc sử dụng nguyên liệu kém chất lượng, không rõ nguồn gốc hoặc không tuân thủ liều lượng khuyến cáo tiềm ẩn nhiều rủi ro. Dư lượng hóa chất, kim loại nặng, vi sinh vật gây bệnh và độc tố tự nhiên có thể tích lũy trong thủy sản, ảnh hưởng trực tiếp đến sức khỏe người tiêu dùng, đặc biệt khi sản phẩm được xuất khẩu hoặc tiêu thụ tại thị trường nội địa mà chưa được kiểm nghiệm đầy đủ.

Thực trạng này đặt ra yêu cầu cấp thiết về việc tuân thủ nghiêm ngặt các tiêu chuẩn chất lượng, giám sát lưu thông và nâng cao nhận thức của người nuôi thủy sản, nhằm đảm bảo an toàn, chất lượng và bền vững cho ngành nuôi trồng thủy sản tại Việt Nam. Thực trạng này đặt ra yêu cầu cấp thiết về việc tuân thủ quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 94:2025/BNNMT - Phần 2: Chất bổ sung trong thức ăn thủy sản.

QCVN 94:2025/BNNMT quy định các yêu cầu an toàn đối với chất bổ sung trong thức ăn



thủy sản, áp dụng cho cả sản phẩm sản xuất trong nước và nhập khẩu. Tiêu chuẩn bao gồm tất cả các nhóm chất bổ sung thường sử dụng trong nuôi trồng thủy sản như vitamin, khoáng chất, axit amin, axit hữu cơ, chế phẩm enzyme, probiotic, prebiotic, các chất chiết xuất sinh học từ thực vật hoặc động vật, cũng như các chất bảo quản, chất chống oxy hóa, phụ gia tạo màu và hương liệu.

Các giới hạn an toàn được quy định chi tiết nhằm đảm bảo thức ăn bổ sung không gây nguy hại cho vật nuôi và người tiêu dùng. Các chất bảo quản và phụ gia khác cũng được quy định giới hạn tối đa để đảm bảo an toàn cho vật nuôi và người tiêu dùng.

Quy chuẩn cũng quy định phương pháp lấy mẫu, chuẩn bị mẫu và các phương pháp phân tích theo tiêu chuẩn quốc gia và quốc tế, bao gồm xác định kim loại nặng, vi sinh vật, độc tố và các chỉ tiêu hóa lý khác. Việc kiểm nghiệm định kỳ được yêu cầu để đảm bảo các chất bổ

sung trong thức ăn thủy sản luôn đạt chuẩn trong suốt quá trình sản xuất, lưu thông và sử dụng.

Bên cạnh đó, QCVN 94:2025/BNNMT đặt ra yêu cầu về công bố hợp quy và giám sát lưu thông. Các sản phẩm sản xuất trong nước phải công bố hợp quy và có giấy chứng nhận từ tổ chức chứng nhận được công nhận, trong khi sản phẩm nhập khẩu cần có chứng nhận hoặc giám định đạt chuẩn trước khi lưu hành. Việc đánh giá sự phù hợp của lô hàng được thực hiện thông qua thử nghiệm mẫu hoặc đánh giá quy trình sản xuất, đồng thời cơ quan quản lý tiến hành thanh tra, kiểm tra để đảm bảo chất bổ sung luôn tuân thủ tiêu chuẩn.

Những quy định này nhằm bảo vệ sức khỏe người tiêu dùng, tăng chất lượng nuôi trồng thủy sản, đồng thời minh bạch hóa thị trường và hỗ trợ cơ quan quản lý kiểm soát, ngăn chặn các sản phẩm kém chất lượng ■

Theo vietq.vn

TIÊU CHUẨN VIỆT NAM 14272-1:2024, 14272-2:2024 VỀ HỆ THỐNG TƯỚI PHUN MƯA CHO CÂY CÔNG NGHIỆP VÀ CÂY RAU

Têu chuẩn Việt Nam 14272-1:2024 và TCVN 14272-2:2024 đưa ra các yêu cầu kỹ thuật cho hệ thống tưới phun mưa, đảm bảo cung cấp nước hiệu quả cho cây công nghiệp ngắn ngày và cây rau, nâng cao năng suất và tiết kiệm tài nguyên nước.

Việc quản lý nước tưới ngày càng trở thành vấn đề quan trọng trong nông nghiệp hiện đại, nhất là khi biến đổi khí hậu khiến lượng mưa không ổn định, dẫn đến khô hạn hoặc lũ lụt cục bộ. Tưới phun mưa là giải pháp hiệu quả, cung cấp nước đồng đều, giảm thất thoát và tăng năng suất cây trồng. Tuy nhiên, trước đây, chưa có tiêu chuẩn quốc gia thống nhất cho các hệ thống tưới phun mưa chuyên dùng cho từng nhóm cây trồng, khiến việc thiết kế, lắp đặt và vận hành còn chưa tối ưu. Đáp ứng nhu cầu này, Bộ KH&CN Việt Nam đã công bố TCVN 14272-1:2024 và TCVN 14272-2:2024 cho cây công nghiệp ngắn ngày và cây rau.

Về TCVN 14272-1:2024, hướng dẫn thiết kế, lắp đặt và vận hành hệ thống tưới phun mưa cho cây công nghiệp ngắn ngày như ngô, lạc, đậu, khoai lang và các loại cây trồng công nghiệp thu hoạch trong thời gian ngắn. Tiêu chuẩn đưa ra các yếu tố kỹ thuật quan trọng bao gồm áp suất hoạt động, khoảng cách giữa các vòi phun, lượng nước tưới cần thiết theo giai đoạn sinh trưởng và cấu hình hệ thống dẫn nước. Việc tuân thủ các yêu cầu này giúp đảm bảo nước tưới được phân phối đều trên diện tích trồng, hạn chế tình trạng cây ở giữa hoặc gần vòi phun bị thừa nước trong khi cây ở mép rẫy thiếu nước.

TCVN 14272-1:2024 cũng nhấn mạnh tầm quan trọng của bảo dưỡng và kiểm tra hệ thống tưới. Vòi phun phải được vệ sinh định kỳ, ống dẫn và bơm nước được kiểm tra áp suất, đảm bảo hệ thống hoạt động ổn định và

tránh thất thoát nước. Đồng thời, tiêu chuẩn hướng dẫn các biện pháp tối ưu hóa sử dụng nước như lắp đặt van điều chỉnh, đồng hồ đo lưu lượng và các cảm biến giám sát độ ẩm đất. Đây là cơ sở khoa học giúp nông dân và doanh nghiệp trồng cây công nghiệp ngắn ngày giảm chi phí, tăng hiệu quả tưới và cải thiện năng suất.

Còn TCVN 14272-2:2024, tập trung vào hệ thống tưới phun mưa cho cây rau. Rau là nhóm cây có nhu cầu nước cao, nhạy cảm với sự thay đổi độ ẩm, do đó, việc cung cấp nước cần chính xác và đồng đều. Tiêu chuẩn quy định các thông số kỹ thuật của hệ thống tưới cho rau như khoảng cách giữa các vòi phun nhỏ giọt hoặc phun sương, lượng nước tưới phù hợp từng loại rau và giai đoạn sinh trưởng, và chiều cao lắp đặt vòi phun để tránh làm hư hại cây hoặc rửa trôi phân bón trên lá.

Ngoài ra, TCVN 14272-2:2024 còn hướng dẫn thiết kế hệ thống linh hoạt, có thể điều chỉnh lượng nước theo từng ngày, từng tuần hoặc theo điều kiện thời tiết, nhờ đó nông dân có thể tiết kiệm nước mà vẫn đảm bảo cây rau phát triển tối ưu. Tiêu chuẩn cũng yêu cầu bảo trì định kỳ và kiểm tra hiệu suất tưới, bao gồm đánh giá sự đồng đều của nước tưới, kiểm tra các vòi phun bị tắc hoặc hỏng, nhằm duy trì hiệu quả lâu dài.

Việc kết hợp hai phần tiêu chuẩn giúp tạo ra một khung pháp lý và kỹ thuật toàn diện cho các hệ thống tưới phun mưa tại Việt Nam. Các tiêu chuẩn này không chỉ đảm bảo hiệu quả tưới và tiết kiệm nước, mà còn hỗ trợ nông dân và doanh nghiệp áp dụng kỹ thuật hiện đại, giảm tổn thất nước, phân bón và năng lượng. Đồng thời, việc áp dụng tiêu chuẩn góp phần nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm nông nghiệp và thúc đẩy nông nghiệp bền vững, đáp ứng nhu cầu trong nước và xuất khẩu ■

Theo vietq.vn

HOÀN THIỆN HỆ THỐNG TIÊU CHUẨN, DẪN ĐẦU PHÁT TRIỂN AI VÀ BẢO ĐẢM AN NINH MẠNG

Trước bối cảnh trí tuệ nhân tạo (AI) phát triển mạnh mẽ, làm gia tăng nguy cơ và mức độ tinh vi của các cuộc tấn công mạng, việc xây dựng và hoàn thiện hệ thống tiêu chuẩn quốc gia cho AI và an ninh mạng đang trở thành yêu cầu cấp thiết.

Trước thực tế đó, các chuyên gia cho rằng, cùng với việc thúc đẩy ứng dụng AI, Việt Nam cần sớm hoàn thiện hệ thống bảo đảm an toàn thông tin - an ninh mạng tương xứng, trong đó tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật đóng vai trò nền tảng.

Thời gian qua, Bộ KH&CN đã phối hợp với các bộ, ngành xây dựng và ban hành nhiều Tiêu chuẩn Việt Nam (TCVN) liên quan đến AI, như: TCVN 14365:2025 về tổng quan các phương pháp tính toán cho hệ thống AI; TCVN ISO/IEC 42001:2025 về hệ thống quản lý trí tuệ nhân tạo; TCVN 14364:2025 về khung cho hệ thống AI sử dụng học máy. Đến nay, Bộ KH&CN đã ban hành, công bố rộng rãi danh mục tiêu chuẩn quốc gia liên quan đến 6 sản phẩm công nghệ chiến lược gồm: AI camera xử lý tại biên, robot di động tự hành, thiết bị bay không người lái (UAV), hạ tầng mạng Blockchain và các lớp ứng dụng truy xuất nguồn gốc, Hệ thống và thiết bị mạng 5G, Mô hình ngôn ngữ lớn & Trợ lý ảo tiếng Việt. Việc xây dựng và hoàn thiện hệ thống tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về trí tuệ nhân tạo và an toàn thông tin - an ninh mạng có ý nghĩa đặc biệt quan trọng, nhằm chuẩn hóa các yêu cầu kỹ thuật, quy trình bảo vệ, giám sát, ứng phó và kiểm định an ninh mạng cho các hệ thống thông tin.

Đặc biệt, TCVN 14423:2025 “An ninh mạng - Yêu cầu đối với hệ thống thông tin quan trọng” được đánh giá là bộ tiêu chuẩn kỹ thuật đầu tiên của Việt Nam quy định một



Ảnh minh họa

cách toàn diện các yêu cầu bảo đảm an ninh mạng đối với hệ thống thông tin của cơ quan nhà nước và các hệ thống trọng yếu liên quan đến an ninh quốc gia.

Theo định hướng của Bộ KH&CN, tiêu chuẩn không chỉ là công cụ quản lý kỹ thuật mà cần được coi là công cụ chiến lược để định hướng và dẫn dắt phát triển công nghệ. Cách tiếp cận này thể hiện sự chuyển dịch từ tư duy “đi sau để quản lý” sang “đi trước để kiến tạo”, góp phần hình thành hệ sinh thái công nghệ đồng bộ và nâng cao năng lực tự chủ công nghệ quốc gia.

Việc xây dựng và áp dụng tiêu chuẩn được triển khai theo hướng mở, linh hoạt, phù hợp thông lệ quốc tế, đẩy mạnh chấp nhận, chuyển đổi và hài hòa hóa các tiêu chuẩn quốc tế, qua đó rút ngắn thời gian tiếp cận công nghệ mới và giảm chi phí tuân thủ cho doanh nghiệp.

Tiêu chuẩn chỉ phát huy hiệu quả khi gắn với sản phẩm cụ thể và doanh nghiệp cụ thể - những chủ thể trực tiếp nghiên cứu, phát triển và đưa công nghệ vào thị trường. Trên cơ sở đó, lộ trình triển khai được thiết kế theo các bước chặt chẽ, từ rà soát tiêu chuẩn hiện có, xác định doanh nghiệp đồng hành đến xây dựng và hoàn thiện TCVN phù hợp với thực tiễn ■

Theo vietq.vn